

PHẦN I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

A. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây là vai trò xuyên suốt của Liên hợp quốc?

- A. Định hướng thể chế chính trị cho các quốc gia thành viên.
- B. Góp phần vào sự phát triển văn hóa giáo dục của các nước.
- C. Ngăn chặn được các cuộc chiến tranh và xung đột khu vực.
- D. Xóa bỏ hoàn toàn tình trạng đói nghèo ở các quốc gia Trung Phi.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ cấp bách được các cường quốc thống nhất tại Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Chấm dứt ngay tình trạng nội chiến kéo dài tại Trung Quốc.
- B. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản.
- C. Thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- D. Xây dựng Nhật Bản trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử dẫn đến sự thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Xu thế khu vực hoá xuất hiện, ngày càng phát triển mạnh mẽ.
- B. Các nước Đông Nam Á đã hoàn thành công nghiệp hóa.
- C. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện, ngày càng phát triển mạnh mẽ.
- D. Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 4. Trong bối cảnh đầu thế kỷ XXI, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với thách thức nào sau đây?

- A. Vấn đề quản trị lưu vực sông Hồng.
- B. Sự đa dạng về chế độ chính trị.
- C. Thực dân phương Tây xâm lược trở lại.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc, sắc tộc.

Câu 5. Trong quá trình phát triển, Cộng đồng ASEAN có triển vọng nào sau đây?

- A. Có cơ hội nhất thể hoá về mặt chính trị.
- B. Mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài.
- C. Giải quyết triệt để “vấn đề Campuchia”.
- D. Kết nạp thêm thành viên ngoài khu vực.

Câu 6. So với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Liên hợp quốc có điểm khác là

- A. một tổ chức toàn cầu, ra đời sau chiến tranh thế giới.
- B. có các mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cụ thể.
- C. nhằm duy trì hoà bình và an ninh.
- D. có sự đa dạng về thể chế chính trị.

Câu 7. Quá trình tồn tại của Trật tự hai cực I-an-ta (1945 – 1991) có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tồn tại song song với cuộc Chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.
- B. Chịu sự chi phối trực tiếp của các cường quốc Mỹ, Trung Quốc, Nga.
- C. Có sự khủng hoảng và sụp đổ của phe tư bản chủ nghĩa.

D. Tồn tại trong khoảng thời gian diễn ra Chiến tranh lạnh.

Câu 8. Sau Chiến tranh Chiến tranh lạnh, trong Trật tự thế giới đa cực, sự khẳng định vai trò của các trung tâm quyền lực chứng tỏ

- A.** khả năng chi phối quan hệ quốc tế của hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- B.** sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng trong quan hệ quốc tế.
- C.** Mĩ đã hoàn toàn chi phối được sự phát triển kinh tế của thế giới.
- D.** Liên hợp quốc là tổ chức duy nhất điều tiết quan hệ quốc tế.

Câu 9. Quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10 có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Các nước thành viên không có sự khác biệt về thể chế chính trị và vị trí địa lí.
- B.** Chịu tác động trực tiếp của Trật tự thế giới được thiết lập sau Chiến tranh lạnh.
- C.** Diễn ra lâu dài và gặp nhiều trở ngại, chịu tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.
- D.** Việc kết nạp thành viên diễn ra khi Trật tự thế giới hai cực I-an-ta hình thành.

Câu 10. Yếu tố nào sau đây tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A.** Các giá trị văn hoá truyền thống.
- B.** Sự đồng đều về diện tích lãnh thổ.
- C.** Sự phát triển đồng đều về kinh tế.
- D.** Cùng lấy đạo Phật làm quốc giáo.

Câu 11. So với thời điểm thành lập ASEAN (1967), Cộng đồng ASEAN (2015) có mục tiêu mới là

- A.** thúc đẩy hoà bình và ổn định của khu vực.
- B.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội.
- C.** hợp tác, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
- D.** hợp tác cùng có lợi với các tổ chức quốc tế.

Câu 12. Thực tiễn quá trình hoạt động của Liên hợp quốc cho thấy

- A.** đây là một liên minh kinh tế – chính trị của khu vực.
- B.** các thành viên đều có trình độ phát triển kinh tế cao.
- C.** đây là tổ chức đa phương mang tính toàn diện.
- D.** Mĩ đơn phương định đoạt các vấn đề toàn cầu.

Câu 13. Sự thành lập và phát triển của Liên hợp quốc cùng sự tồn tại của các trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai chứng tỏ

- A.** tình hình thế giới liên tục căng thẳng do tác động từ Chiến tranh lạnh.
- B.** các cường quốc tư bản chủ nghĩa chi phối hoàn toàn quan hệ quốc tế.
- C.** vai trò của các cường quốc trong sự phát triển của quan hệ quốc tế.
- D.** có sự đối lập gay gắt trên mọi lĩnh vực giữa hai hệ thống xã hội đối lập.

Câu 14. Nhận định nào sau đây là đúng về biện pháp mà Việt Nam thực hiện trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới lấy phát triển kinh tế làm trung tâm?

- A.** Phát huy lợi thế đất nước nhằm xây dựng nền kinh tế tự chủ.
- B.** Duy trì quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Liên minh châu Âu.
- C.** Tiếp nhận toàn bộ nguồn viện trợ không hoàn lại từ các nước châu Á.
- D.** Chuyển sang phát triển công nghiệp quốc phòng là then chốt.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là nhận xét đúng về tổ chức ASEAN?

- A.** Có sự hợp tác liên chính phủ và mức độ liên kết ngày càng sâu rộng.
- B.** Thành lập khi tất cả các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.
- C.** Có sự liên kết với Liên hợp quốc về mục tiêu xoá bỏ chủ nghĩa thực dân.
- D.** nỗ lực đàm phán với Liên minh châu Âu để xoá bỏ hàng rào thuế quan.

Câu 16. Trong giai đoạn 1979 – 1991, quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN là đối đầu, căng thẳng vì lý do nào sau đây?

- A.** Tác động của Chiến tranh lạnh.
- B.** Tác động của chiến tranh thế giới.
- C.** Mặt trái của xu thế toàn cầu hoá.
- D.** Mâu thuẫn Đông – Tây xuất hiện.

B. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 17. Đọc đoạn tư liệu và thực hiện nhiệm vụ:

"Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị – quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế – chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật".

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

- a) “*Một bị thương, một bị mất*” trong đoạn tư liệu là sự suy yếu của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự tan rã của hệ thống tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh lạnh.
- b) Các trật tự thế giới được thiết lập trong hay sau thời kì Chiến tranh lạnh đều dựa trên cơ sở thực lực của các nước.
- c) Sự hình thành các trật tự thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh đều chịu tác động bởi mục tiêu chiến lược của các cường quốc.
- d) Thực tiễn quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh lạnh đến nay cho thấy các nước có thể chế chính trị khác nhau đều có vai trò đối với sự hình thành Trật tự thế giới đa cực.

Câu 18. Đọc đoạn tư liệu và thực hiện nhiệm vụ:

“Trong quá trình tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á đã xuất hiện những tổ chức khu vực và kí kết các hiệp ước giữa các nước trong khu vực. Tháng 1-1959, Hiệp ước hữu nghị và kinh tế Đông Nam Á (SAFET) bao gồm Malaixia và Philippin ra đời. Tháng 7-1961, Hội Đông Nam Á (ASA) gồm Malaixia, Philippin và Thái Lan được thành lập. Tháng 8-1963, một tổ chức gồm Malaixia, Philippin, Indônêxia (MAPHILINDO) được thành lập. Tuy nhiên, những tổ chức trên đây không tồn tại được lâu do sự bất đồng giữa các nước về vấn đề lãnh thổ và chủ quyền”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

- a) Malaixia, Philippin, Thái Lan, Indônêxia là những quốc gia sớm có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á.
- b) Yếu tố quyết định sự thành lập và mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là các nước trong khu vực đã giành được độc lập và có nhu cầu hợp tác cùng phát triển.
- c) Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không tồn tại lâu do không thống nhất được giá cả và thị trường tiêu thụ hàng hoá.
- d) Trong bối cảnh khu vực và quốc tế luôn ổn định, nhu cầu hợp tác để cùng phát triển giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á là tất yếu.

PHẦN II. TỰ LUẬN (14,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh?

Câu 2 (4,0 điểm)

Đọc đoạn tư liệu và thực hiện nhiệm vụ:

“Lúc 8 giờ sáng ngày 15-8, lời phát biểu của Thiên hoàng Hi-rô-hi-tô đã được phát trên đài phát thanh Tokyo: Nhật Bản chấp nhận các điều kiện của Tuyên bố Potsdam, chúng ta vô cùng thương tiếc

những người đã hy sinh nhưng bây giờ là lúc cần phải kiểm chế cảm xúc của mình... Hãy để cho mọi người được sống với nhau như một gia đình từ thế hệ này đến thế hệ khác. Tổ quốc thiêng liêng luôn đặt niềm tin vĩnh cửu của mình vào họ và hãy suy nghĩ về gánh nặng của trách nhiệm trên con đường đi tới tương lai. Cần phải tập hợp tất cả lực lượng để xây dựng tương lai. Hãy đem sự trung thành vô hạn, sự giải phóng về tinh thần, sự trau dồi trí tuệ và không ngừng vượt qua khó khăn để làm sao cho sự vinh hiển của đế quốc luôn song hành với sự tiến bộ của thế giới”.

(Theo Nhật đầu hàng vì 2 quả bom nguyên tử hay vì đạo quân Quan Đông đại bại?,
Bảo Công an nhân dân Online, ngày 31 – 8 – 2017)

a) Đoạn tư liệu phản ánh sự kiện nào trong tiến trình của Chiến tranh thế giới thứ hai? Vì sao nói sự kiện đó thúc đẩy “thời cơ ngàn năm có một” xuất hiện cho Việt Nam Tổng khởi nghĩa giành chính quyền?

b) Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi đã để lại những bài học kinh nghiệm nào?

Câu 3 (4,0 điểm)

Về chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam:

a) Phân tích bối cảnh quốc tế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Xác định và trình bày hoàn cảnh lịch sử, ý nghĩa của chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

c) Nhân tố hậu phương có vai trò như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?

Câu 4 (4,0 điểm)

Bằng những hiểu biết về Hồ Chí Minh, em hãy:

a) Tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.

b) Bày tỏ quan điểm về những việc thanh niên có thể học tập và làm theo từ thực tiễn hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1920.

c) Phân tích vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc xây dựng lực lượng và căn cứ địa cách mạng ở Việt Nam trong những năm 1941 – 1945.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH**

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THPT

Môn thi: **LỊCH SỬ** - Bảng **B**

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian giao đề

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

A. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	5	B	9	C	13	C
2	B	6	A	10	A	14	A
3	A	7	D	11	C	15	A
4	B	8	B	12	C	16	A

B. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu	Đáp án			
	a)	b)	c)	d)
17	S	Đ	Đ	Đ
18	Đ	Đ	S	S

PHẦN II. TỰ LUẬN (14,0 điểm)

Câu	Sơ lược lời giải/Một số gợi ý chính	Điểm
1	Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh?	2,00
	- Về vị trí: Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Việt Nam có vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng lớn; Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía: đông, nam và tây nam, có đường bờ biển dài khoảng 3 260 km từ Móng Cái - Quảng Ninh đến Hà Tiên - Kiên Giang, rộng hơn 1 triệu km ² có khoảng 4 000 hòn đảo lớn nhỏ nằm gần bờ và xa bờ; có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm giữa Biển Đông, ...	0,50
	- Biển Đông đóng vai trò là tuyến phòng thủ trọng yếu ở phía Đông của Việt Nam: Hệ thống đảo và quần đảo hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ các vùng biển, thềm lục địa, bảo vệ vùng trời. Các đảo và quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông còn là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa; ...	0,50
	- Biển Đông giữ vai trò bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam: Nằm trên tuyến giao thông biển huyết mạch và là địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương; ...	0,50
	- Biển Đông tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt Việt Nam trước những thách thức trong việc bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá vì Biển Đông cũng là con đường giao thương giữa các vùng trong nước và giữa Việt Nam với thị trường khu vực và quốc tế. Biển Đông cũng là con đường giúp	0,50

	Việt Nam giao lưu và hội nhập với các nền văn hoá khác; ...	
2	Độc đoạn tư liệu và thực hiện nhiệm vụ: <i>“Lúc 8 giờ sáng ngày 15-8, lời phát biểu của Thiên hoàng Hi-rô-hi-tô đã</i>	4,00
	a. 1) Đoạn tư liệu phản ánh sự kiện: Nhật hoàng Hi-rô-hi-tô tuyên bố đầu hàng lực lượng Đồng minh vô điều kiện trong Chiến tranh thế giới thứ hai -> Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.	0,25
	a.2) Sự kiện đó thúc đẩy “thời cơ ngàn năm có một” xuất hiện cho Việt Nam Tổng khởi nghĩa giành chính quyền vì:	1,75
	* Khái niệm: Thời cơ là không gian và thời gian hội tụ đầy đủ những yếu tố thuận lợi nhất để việc giành chính quyền diễn ra nhanh nhất và ít tổn thất nhất. * Vận dụng luận điểm của Lênin về tình thế cách mạng, Hồ Chí Minh nêu rõ ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa: một là, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay, bối rối đến cao độ; hai là, quần chúng nhân dân đã căm thù thực dân đế quốc đến cao độ; ba là đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa.	0,50
	* <i>Phát xít Nhật Bản đầu hàng Đồng minh thúc đẩy “thời cơ ngàn năm có một” xuất hiện “thời cơ ngàn năm có một” vì:</i>	1,25
	- Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện -> Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, lo sợ đến cực điểm -> Điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến -> Thời cơ cách mạng xuất hiện ở Việt Nam. - Chưa khi nào cách mạng Việt Nam hội tụ đầy đủ những điều kiện khách quan, chủ quan thuận lợi như vậy. Tuy nhiên, một nguy cơ mới đang đến. Quân đội các nước đế quốc với danh nghĩa đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Đế quốc Pháp đang lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương. Những thế lực phản động trong nước cũng đang tìm cách thay thế đối chủ. Chính vì thế, vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ.	0,75
	-> Đây là thời cơ hiếm có: Thời cơ này chưa từng xuất hiện trong lịch sử chống thực dân Pháp và quân phiệt Nhật.	0,25
	-> Đây là thời cơ quý báu: Thời cơ này tồn tại ngắn ngủi chỉ trong thời gian từ sau khi quân phiệt Nhật đầu hàng đồng minh (15-8-1945) đến trước khi quân Đồng minh kéo vào giải giáp quân Nhật (cuối tháng 8, đầu tháng đầu tháng 9-1945), đó là lúc kẻ thù cũ đã ngã gục, nhưng kẻ thù mới chưa kịp đến, là lúc so sánh lực lượng có lợi nhất đối với cách mạng.	0,25
	b) Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi đã để lại những bài học kinh nghiệm	2,00
	- Sự lãnh đạo của Đảng: Cần có đường lối chiến lược đúng đắn và vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện cụ thể của đất nước. Đảng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, nắm bắt diễn biến tình hình thế giới và cách mạng trong nước để thay đổi chủ trương cho phù hợp; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên	0,50

	hàng đầu.	
	- Phát huy sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc: Cần tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước trong một mặt trận thống nhất - Mặt trận Việt Minh, từ đó phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết trên cơ sở liên minh công nông, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.	0,50
	- Xác định thời cơ, tạo và chớp thời cơ: Cần xác định rõ thời cơ và giá trị của thời cơ; chủ động tạo thời cơ và nhanh chóng chớp thời cơ để hành động cách mạng.	0,50
	- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Cần phát huy nội lực trong nước, đồng thời tận dụng những xu thế mới và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài; kết hợp giữa nhân tố chủ quan và khách quan, trong đó nhân tố chủ quan giữ vai trò quyết định.	0,50
3	Về chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam:	4,00
	<i>a) Bối cảnh quốc tế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam.</i>	<i>1,00</i>
	- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước dần trở thành hệ thống thế giới; không gian địa lí của chủ nghĩa xã hội đã được mở rộng → Đây là điều kiện thuận lợi to lớn cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của Việt Nam: + Trước năm 1950, dù chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam nhưng việc mở rộng và phát triển của CNXH trên thế giới đã là nguồn cổ vũ to lớn, tạo niềm tin cho nhân dân Việt Nam kháng chiến chống xâm lược trở lại. + Từ đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam -> cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ của các nước XHCN, các lực lượng hoà bình, dân chủ và tiến bộ thế giới.	0,50
	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ ở các nước TBCN phát triển mạnh -> Đây cũng là thuận lợi cơ bản, tác động tích cực tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân Việt Nam: Cổ vũ nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; góp phần làm cho chủ nghĩa đế quốc suy yếu (trong đó có thực dân Pháp)...	0,25
	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được xác lập với đặc trưng nổi bật là thế giới bị chia thành hai phe: TBCN và XHCN, do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe. Quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp, từng bước chịu sự chi phối của Chiến tranh lạnh -> Tác động sâu sắc đến tình hình Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam có sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1950, Mĩ viện trợ cho Pháp và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu sự tác động của hai phe.	0,25
	<i>b) Chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).</i>	<i>2,00</i>

* Chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.	0,25
* Hoàn cảnh lịch sử:	1,00
- Về phía thực dân Pháp: + Sau gần một năm kể từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, thực dân Pháp tuy đã chiếm được các đô thị và các đường giao thông chiến lược, song phạm vi chiếm đóng càng mở rộng, Pháp càng gặp khó khăn do phải dàn mỏng lực lượng. + Bước sang năm 1947, nước Pháp gặp nhiều khó khăn về kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội. Để giải quyết những khó khăn đó và tiếp tục thực hiện âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh", thực dân Pháp vạch ra kế hoạch tiến công lên Việt Bắc, nhằm đánh phá căn cứ địa, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực, triệt đường liên lạc quốc tế của ta; nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh. + Thực hiện kế hoạch trên, Pháp đã huy động một lực lượng quân đội lớn với 12.000 quân tinh nhuệ gồm cả không quân, lục quân, thủy quân và hầu hết máy bay có ở Đông Dương, chia thành ba cánh quân mở cuộc tấn công lên Việt Bắc.	0,50
- Về phía quân dân Việt Nam: + Sau một năm kháng chiến chống thực dân Pháp, các cơ quan trung ương của ta đã rút về căn cứ Việt Bắc để kháng chiến lâu dài. + Lực lượng kháng chiến của ta lúc này vẫn còn non yếu. Trung ương Đảng chủ trương tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh.	0,50
* Ý nghĩa:	0,75
- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp giành thắng lợi.	0,25
- Chiến thắng Việt Bắc chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến của Đảng ta, chứng minh khả năng vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.	0,25
- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta. Đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước sang một giai đoạn mới. Là mốc khởi đầu sự thay đổi tương quan, so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.	0,25
c) Vai trò của nhân tố hậu phương đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?	1,00
- Hậu phương là nhân tố quan trọng, quyết định thắng lợi của chiến tranh.	0,25
- Hậu phương là nơi cung cấp sức người, sức của cho tiến tuyến; nhờ có hậu phương vững mạnh, quân dân Việt Nam mở các chiến dịch, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi.	0,25
- Hậu phương là nơi dừng chân cho các đơn vị quân đội trước và sau mỗi trận đánh.	0,25
- Hậu phương còn là nơi động viên cho chiến sĩ ngoài mặt trận, tạo sức mạnh về tinh	

	thần để quân ta chiến đấu và chiến thắng.	
	- Hậu phương góp phần xây dựng cơ sở kinh tế, văn hoá cho chế độ dân chủ nhân dân, tạo tiền đề cho chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	0,25
4	Bảng những hiểu biết về Hồ Chí Minh, em hãy:	4,00
	a) Tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1930).	2,00
	- Ngày 05/06/1911, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước,...	0,25
	- Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai Bản yêu sách...	
	- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương ... khẳng định con đường giành độc lập tự do của nhân dân Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.	0,25
	- Ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua, ... gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.	0,25
	- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước Angiêri, Maroc, Tuynidi ... lập ra Hội liên hiệp thuộc địa, ra báo Người cùng khổ làm cơ quan ngôn luận.	0,25
	- Từ năm 1921, viết bài cho các báo, tạp chí (Nhân đạo, Đời sống công nhân, Sự thật,..., xuất bản cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp (1925).	
	- Những năm 1923-1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô và Quốc tế Cộng sản,...	0,25
	- Tháng 6-1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sáng lập báo Thanh niên.	0,25
	- Đầu năm 1930, triệu tập, chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản; thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.	0,50
	b) Bày tỏ quan điểm cá nhân về những việc thanh niên có thể học tập và làm theo từ thực tiễn hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1920.	1,00
	- Tinh thần yêu nước, thương dân, quyết chí giải phóng công nông cho đồng bào, ...	1,00
	- Tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn vì mục tiêu, lí tưởng,....	
	- Phương pháp làm việc khoa học, kết hợp lí luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, tư duy gắn liền với hành động,...	
	→ Ở mỗi bài học, HS cần liên hệ với thế hệ trẻ ngày nay (cần có lí tưởng, hoài bão; tích cực học tập và rèn luyện; tham gia các hoạt động của thanh niên, các phong trào như: Tuổi trẻ giữ nước, thanh niên lập nghiệp...).	
	c) Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong xây dựng lực lượng cách mạng và căn cứ địa	1,00
	* Chuẩn bị về lực lượng chính trị: Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941); Mặt trận Việt Minh nơi tập hợp của khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các tôn giáo yêu nước; Tập hợp, vận động, tuyên truyền quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh; Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, rèn luyện quần chúng qua thực tiễn đấu tranh nhằm cô lập, phân hóa cao độ kẻ thù; Sự phát triển của lực lượng chính trị là tiền đề cho sự phát triển của lực lượng vũ trang và căn cứ địa	0,50

	cách mạng.	
	* Chuẩn bị về lực lượng vũ trang: Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22-12-1944): Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, giao cho Võ Nguyên Giáp trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ....→ Trở thành lực lượng xung kích, hỗ trợ cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công.	0,25
	* Chuẩn bị về căn cứ địa: Cao Bằng được chọn là nơi thí điểm để xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng, sau đó lan ra các địa bàn khác; Thành lập Khu giải phóng Việt Bắc làm nơi đứng chân, phát triển lực lượng cách mạng, là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới...	0,25